

Số: 96/TB-TH&THCSNN

Nậm Nhừ, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc công khai Báo cáo Tổng kết năm học 2024-2025

Căn cứ thông tư 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 15/9/2020 về việc ban hành điều lệ trường THCS, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Nậm Nhừ thông báo công khai Báo cáo Tổng kết năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

- 1. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục (có phụ lục kèm theo)**
- 2. Thời gian, hình thức thực hiện**

Thời gian niêm yết công khai: từ ngày 30/6/2025 đến ngày 30/7/2025.

Thông báo này được niêm yết công khai tại bảng thông báo của nhà trường và đăng tải trên (nếu có): website/ cổng thông tin điện tử của đơn vị để phụ huynh, học sinh và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết và thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có ý kiến hoặc thắc mắc, đề nghị liên hệ ông Lý A Khu – số ĐT: 0359269751 để được hướng dẫn, giải quyết.

Trân trọng thông báo./.

- Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT (b/c)
- Các tổ CM
- GVCN các lớp (t/h);
- Phụ huynh HS (năm);
- Lưu: VT, CM.

Nậm Nhừ, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Quảng Văn Thường

UBND HUYỆN NẬM PỐ
TRƯỜNG PTDTBT TH-THCS NẬM NHỰ

THỐNG KÊ HỌC LỰC/KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN TRƯỜNG
--TẤT CẢ-- - Cả năm - NĂM HỌC: 2024 - 2025



STT	Khối	Tên lớp	Số sĩ	Thông tư 22										
				Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa có kết quả	
					SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	06	6A1	46	46	2	4,3	5	10,9	39	84,8				
2	06	6A2	44	44					43	97,7	1	2,3		
3	06	Tổng khối 06	90	90	2	2,2	5	5,6	79	87,8				
4	07	7A1	38	38	2	5,3	11	28,9	25	65,8				
5	07	7A2	42	42					42	100				
6	07	Tổng khối 07	80	80	2	2,5	11	13,8	62	77,5				
7	08	8A1	35	35			1	2,9	34	97,1				
8	08	8A2	36	36	2	5,6	10	27,8	24	66,7				
9	08	Tổng khối 08	71	71	2	2,8	11	15,5	58	81,7				
10	09	9A1	39	39	1	2,6	13	33,3	25	64,1				
11	09	9A2	29	29			3	10,3	26	89,7				
12	09	Tổng khối 09	68	68	1	1,5	16	23,5	51	75				
13		TỔNG SỐ	309	309	7	2,3	43	13,9	250	80,9	1	2,3		